TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-12-2024
" V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phượng

2. Ông Nguyễn Vạn Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị Thanh Ng, sinh năm 1965

Địa chỉ: số 569, ấp BA, xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Hà Thanh Nh, sinh năm 1963

Địa chỉ: số 569, ấp BA, xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9//2024, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị Thanh Ng trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1986, bà Ng với ông Nh tự quen biết, và hai bên có tổ chức lễ cưới với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn với nhau, bà Ng với ông Nh sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và thật sự ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay, không còn qua lại, mạnh ai người nấy sống. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, Mặt khác, ông Nh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng thường xuyên cải nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Ng nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể hàn gắn để chung sống với ông Nh được nữa. Nay bà Ng yêu cầu ly hôn với ông Hà Thanh Nh.

Về con chung: Bà Ng và ông Nh có 02 con chung tên Hà Thanh T, sinh ngày 01/10/1987 và Hà Tâm T, sinh ngày 08/02/2007. Sau khi ly hôn bà Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Hà Tâm T; không yêu cầu ông Nhh cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Hà Thanh T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

***- Bị đơn ông Hà Thanh Nhành trình* bày:** ông Nh thống nhất với lời trình bày của bà Ng về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, đối với lời trình bày của bà Ng cho rằng ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là không đúng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà Ng tụ tập bài bạc đêm khuya không lo cho gia đình, ông đã nhiều khuyên ngăn để vợ chồng cùng nhau chăm lo con cái trưởng thành nhưng bà Ng tánh nào tật nấy không thay đổi từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau và bà Ng đã ly thân ông Nh từ tháng 01/2024 cho đến nay. Nay ông Nh không đồng ý ly hôn với bà Đào Thị Thanh Ng.

Về con chung: Bà Ng và ông Nh có 02 con chung tên Hà Thanh T, sinh ngày 01/10/1987 và Hà Tâm T, sinh ngày 08/02/2007. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng thì con chung Hà Tâm T muốn sống với ai thì ông không ý kiến, tôn trọng ý kiến của con Hà Tâm T, không tranh chấp vấn đề này.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cho ly hôn giữa bà Đào Thị Thanh Ng và ông Hà Thanh Nh; Giao con chung Hà Tâm T cho bà Ng được tiếp tục nuôi dưỡng; ông Nh không cấp dưỡng nuôi con do bà Ng không có yêu cầu. Về nợ chung: Bà Ng và ông Nh không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện nộp ngày 06 tháng 9 năm 2024 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Hà Thanh Nh có địa chỉ thường trú tại ấp BA, xã T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Ng với ông Nh tự quen biết và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1986.Việc bà Ng và ông Nh sống chung như vợ chồng từ năm 1986, không có đăng ký kết hôn và xác định theo năm sinh của người con lớn của bà Ng và ông Nh có ngày tháng năm sinh ngày 01/10/1987. Từ đó, đủ căn cứ xác định thời điểm bà Ng và ông Nh bắt đầu sống chung như vợ chồng là trước ngày 03/01/1987 nên quan hệ hôn nhân là hôn nhân thực tế và được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa, bà Ng cho rằng ông Nh thường xuyên đánh đập nên bà không thể sống chung với ông Nh và thực sự đã ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay; ông Nh thống nhất quá trình sống chung và ly thân như nguyên đơn bà Ng trình bày; hiện nay ông Nh với bà Ng đã ly thân, mạnh ai người nấy sống, không còn qua lại với nhau, ông Nh xác định thường xuyên đánh đập bà Ng do bà N thường đi sớm về khuya không chăm lo cho cuộc sống gia đình; lời trình bày của ông Nh cũng không được phía bà Ngathừa nhận. Hành động và việc làm của ông Nh đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, dẫn đến bà Ng không còn chung sống với ông Nh; tình cảm vợ chồng giữa bà Ng và ông Nh không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Ng là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông Nh thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với bà Nh, nhưng ông Nh không đồng ý ly hôn với lý do con chung Hà Tâm T chưa đủ tuổi trưởng thành khi nào con chung đủ tuổi trưởng thành thì ông đồng ý ly hôn. Xét lời trình bày của ông Nh là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà Ng cho rằng ông Nh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bà Ng, và cũng không được phía bị đơn ông Nh thừa nhận. Do đó, có đủ cơ sở xác định lời trình bày của bà Ng là không có căn cứ.

[3] Về nuôi con chung: Bà Ng và ông Nh có 02 con chung tên Hà Thanh T, sinh ngày 01/10/1987 và Hà Tâm T, sinh ngày 08/02/2017. Bà Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Hà Tâm T, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, khi bà Ng và ông Nh xa nhau từ tháng 01/2024 đến nay, thì bà Ng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Tâm T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần như bao đứa trẻ khác. Theo bản trình bày ý kiến của Hà Tâm T đề ngày 06/9/2024 có nguyện vọng sống với bà Ng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà Nga là có cơ sở, nên việc tiếp tục giao con chung tên Hà Tâm T cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ng không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này.

Sau khi ly hôn, bà Ng, ông Nh và các thành viên gia đình không được cản trở ông Nh và bà Ng trong việc thăm nom, chăc sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Bà Ng và ông Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng bà Ng và ông Nh trong vụ kiện này.

[6] Về nợ chung: Bà Ng với ông Nh thống nhất không có nợ chung và cũng không cho ai nợ.

[7] Về án phí: Bà Đào Thị Thanh Ng phải chịu án phí theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Đào Thị Thanh Ng phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đào Thị Thanh Ng, cho bà Đào Thị Thanh Ng được ly hôn với ông Hà Thanh Nh.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Hà Tâm T, sinh ngày 08/02/2007 (cháu T đang sống với bà Ng) cho bà Đào Thị Thanh Ng được tiếp tục nuôi dưỡng; ông Nh không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Đào Thị Thanh Ng cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Hà Thanh Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Tâm T. Ông Nh không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Nga.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Đào Thị Thanh Ng phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Ng đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015110 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Bà Đào Thị Thanh Ng, ông Hà Thanh Nh có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Mân

BÁO CÁO TRAO ĐỔI NGHIỆP VỤ

Vụ án thụ lý số 446/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Điều, sinh năm 1977; HKTT: Số 299A/2426, ấp An Bình, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Số 73, ấp An Thuận, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bi đơn*: Anh Nguyễn Ngọc Thái, sinh năm 1980.; địa chỉ: Số 299A/2426, ấp An Bình, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Bùi Thị Điều trình bày: Chị Điều và anh Thái tự nguyện cưới nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2004. Sau khi kết hôn, chị Điều và anh Thái chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Thái không lo làm ăn, thường xuyên hậu về chửi mắng, ngược đãi chị Điều. Nhiều lần chị Điều khuyên ngăn, nhưng anh Thái không sửa đổi, nên vợ chồng đã thật sự xa nhau từ tháng 7/2020 đến nay. Từ lúc xa nhau đến nay chị Điều và anh Thái không đến thăm hỏi nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hạnh yêu cầu được ly hôn với anh Thái. Quá trình sống chung chị Điều và anh Thái có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005 hiện sinh sống với chị Điều, chị Điều và anh Thái không tài sản chung và không nợ chung. Nay chị Điều yêu cầu được ly hôn với anh Thái, về tài sản chung và nợ chung chị Điều không yêu cầu giải quyết, về con chung chị Điều yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi co tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005, không yêu cầu anh Thái cấp dưỡng.

- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Thái trình bày: Anh Thái và chị Điều cưới nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2004. Sau khi kết hôn, anh Thái và chị Điều chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Thái không lo làm ăn, thường xuyên hậu về chửi mắng, ngược đãi chị Điều và chị Điều đã bỏ về cha mẹ sinh sống từ tháng 7/2020 đến nay, nhưng thời gian gần đây anh Thái không còn đánh và chửi mắng chị Điều nữa. Quá trình sống chung chị Điều và anh Thái có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005 hiện sinh sống với chị Điều, chị Điều và anh Thái không tài sản chung và không nợ chung. Nay không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Điều. Nếu Tòa án chấp yêu cầu được ly hôn của chị Điều, về tài sản chung và nợ chung anh Thái không yêu cầu giải quyết, về con chung anh Thái đồng ý cho chị Điều được tiếp tục trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005, anh Thái không cấp dưỡng.

Xét thấy:

Sau khi kết hôn, lẽ ra chị Điều và anh Thái phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau nhiều năm chung sống, chị Điều và anh Thái đã không làm được điều đó, anh Thái không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi nhậu về chửi mắng, ngược đải chị Điều. Hành động và việc làm của anh Thái đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, dẫn đến chị Điều không còn chung sống với anh Thái từ tháng 7/2020 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Điều yêu cầu được ly hôn anh Thái.

Đối với anh Thái trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Thái đều thừa nhận là không lo làm ăn, thường xuyên nhậu về chửi mắng và ngược đãi chị Điều.

Xét thấy hôn nhân giữa chị Điều và anh Thái đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Điều là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Điều với anhNguyễn Ngọc Thái.

Về nuôi con chung: Anh Thái và chị Điều thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005.

Xét thấy khi chị Điều và anh Thái xa nhau từ tháng 7/2020 đến nay, thì chị Điều là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chăm sóc con chung chu đáo,cháu Xuyên phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần và đã thắt chặt tình cảm mẹ con, đồng thời cháu Xuyên có nguyện vọng sống với chị Điều nên việc yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Thái cấp dưỡng nuôi con của chị Điều là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận và quyết định giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005 cho chị Bùi Thị Điều trực tiếp nuôi dưỡng.

Do chị Điều không yêu cầu anh Thái cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*** Quan điểm đề xuất thẩm phán:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Điều và anh Nguyễn Ngọc Thái.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005 cho chị Bùi Thị Điều trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị Điều không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc Thái cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Điều cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Ngọc Thái trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Người báo cáo

Lê Quan Nam

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 5 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Lê Quan Nam.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Bùi Thanh Hùng**;
2. Ông **Nguyễn Văn Lực**.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 392/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 2 năm 2017, về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc Bích, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 547, ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bi đơn*: Anh Trương Văn Trâm, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 180, ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

2. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Bích và anh Trương Văn Trâm.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

3. Về nuôi con chung:

3.1. Giao con chung tên Trương Trung Vĩnh, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn Thành, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Bích trực tiếp nuôi dưỡng.

3.2. Chị Nguyễn Thị Ngọc Bích không yêu cầu anh Trâm cấp dưỡng nuôi con.

3.3. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc Bích cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trương Văn Trâm trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

4. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

6. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Bích phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Bích

đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02140 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

7. Chị Nguyễn Thị Ngọc Bích có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Văn Trâm vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tống đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 15 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và cùng ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quan Nam

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- Đ/s: Duyên, Quân;
- Lưu: HSVA, VPTA (Duẩn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Kiến

Do giao con chung tên Trương Trung Vĩnh và Trương Văn Thành cho chị Bích trực tiếp nuôi dưỡng, nên chị Bích yêu cầu anh Trâm phải đóng góp nuôi con cho chị Bích mỗi cháu một tháng bằng ½ mức lương cơ sở cho đến khi cháu Trương Trung Vĩnh và Trương Văn Thành thành niên (Đủ 18 tuổi) là phù pháp luật.

2.1. Giao con chung tên Trương Trung Vĩnh, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn Thành, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Bích trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Thanh Thu không yêu cầu anh Lợi cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Buộc anh Trương Văn Trâm phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con tên Trương Trung Vĩnh, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn Thành, sinh ngày 15/3/2012 mỗi con bằng ½ mức lương cơ sở trên tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2018 đến khi Trương Văn Thành và Trương Trung Vĩnh đủ 18 tuổi tự lao động nuôi sống bản thân được.

BÁO CÁO TRAO ĐỔI ÁN

Vụ án thụ lý số 392/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc Bích, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 547, ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt).

- *Bi đơn*: Anh Trương Văn Trâm, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 180, ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12//2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Bích trình bày: Chị Bích và anh Trâm tự nguyện cưới nhau vào năm 2005, đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 59. Sau khi kết hôn, chị Bích và anh Trâm chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Trâm không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi bỏ mặt vợ con không lo lắng gia đình, thường xuyên nhậu và cờ bạc. Nhiều lần chị Bích khuyên ngăn, nhưng anh Trâm không sửa đổi, nên vợ chồng đã thật sự xa nhau từ tháng 6/2017 đến nay. Từ lúc xa nhau đến nay chị Bích và anh Trâm không đến thăm hỏi nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Bích yêu cầu được ly hôn với anh Trâm. Về con chung: Chị Bích và anh Trâm có 02 con chung tên Trương Trung Vĩnh, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn Thành, sinh ngày 15/3/2012 hiện do chị Bích trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Bích yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Trung Vĩnh, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn Thành, sinh ngày 15/3/2012, yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Bị đơn Trương Văn Trâm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên họp, cũng như không có bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Xét thấy chị Bích và anh Trâm xa nhau từ tháng 6/2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Bích yêu cầu được ly hôn anh Trâm. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bích là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Bích với anh Trương Văn Trâm.

*** Quan điểm thẩm phán:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Bích và anh Trương Văn Trâm.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Trương Trung Vĩnh, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn Thành, sinh ngày 15/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Bích trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Buộc anh Trương Văn Trâm phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con tên Trương Trung Vĩnh, sinh ngày 26/11/2006 và Trương Văn Thành, sinh ngày 15/3/2012 mỗi con bằng ½ mức lương cơ sở trên tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2018 đến khi Trương Văn Thành và Trương Trung Vĩnh đủ 18 tuổi tự lao động nuôi sống bản thân được.

(23/4/2018)

Người báo cáo

Lê Quan Nam